

た げん こ ばん
多言語版
しゅう しゅう か れ ん た
ごみ収集カレンダー
えい ご ちゅう ご かん ごく こ べ と な る こ
(英語・中国語・韓国語・ベトナム語)

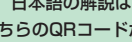
APRIL 2025~MARCH 2026
2025年4月~2026年3月
2025년4월~2026년3월
Tháng 4/2025-Tháng 3/2026

Garbage Collection Schedule

垃圾收集日程表

쓰레기 수집 일정표

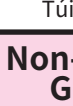
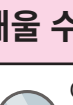
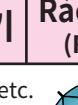
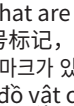
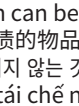
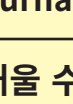
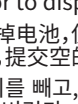
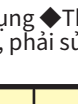
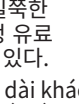
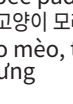
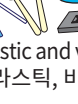
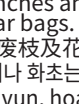
Lịch thu gom rác



- ◆ **Phân loại rác theo đúng quy định**
 - ◆ **Vứt rác ra trước 8:30 sáng ngày thu gom**
 - ◆ **Vứt rác ở nơi (điểm thu gom rác) đã quy định**
- *Đề biết nơi vứt rác (điểm thu gom rác), vui lòng liên hệ với văn phòng quản lý tòa nhà hoặc chính quyền địa phương

※台風などにより収集を中止する場合があります。 ※Collection may be cancelled due to a typhoon, etc. ※如台风等灾害来临时,会临时取消垃圾收集。 ※태풍 등에 의해 수집을 중지할 경우가 있습니다 ※Do ảnh hưởng của bão, v.v. việc thu gom rác có thể bị tạm dừng
(問い合わせ先は裏面) (See reverse side for contact info.) (咨询处请看背面) (문의처는 뒷면) (Vui lòng xem mặt sau để biết thông tin liên hệ)

*Thông tin liên hệ về rác thải, các loại rác thải không thể vớt ở điểm thu gom rác và địa chỉ các cơ sở tiếp nhận xử lý rác thải được ghi ở mặt sau.

 Plastic Containers and Packaging 플라스틱 용기포장	塑料制容器包装 Nhựa tái chế (Hộp đựng và bao bì nhựa)	 Look for this mark.有这个标志 이 마크가 있습니다. Những đồ vật có ký có ký hiệu này	Put in a clear or semi-clear garbage bag. 放入透明或半透明的袋子里 투명한 또는 반투명 봉투에 담는다. Cho vào túi nilon trong suốt hoặc túi mờ 
◆Wash well and dry. ◆清洗干净, 晾干 ◆잘 씻어서 말린다 ◆Rửa sạch và phơi khô ráo  Buffer materials 缓冲材 완충재 Vật liệu đệm lót  Polystyrene and plastic bags 플라스틱, 购物袋 폴리스티렌 봉지, 비닐봉지 Túi nhựa, túi nilon 	Plastic containers 杯子类容器 컵 용기 Cốc nhựa  Fruit and vegetable nets 橘子及蔬菜兜筐 귤 및 야채의 거름망 Lưới đựng quýt, rau củ, v.v.  Plastic containers that are difficult to clean can be disposed of as burnable garbage. 塑料记号标记, 但是难以去除污渍的物品按可燃物分类 플라스틱 마크가 있으나, 오염이 지워지지 않는 것은 가연물쓰레기로 버린다 Những đồ vật có ký hiệu nhựa tái chế nhưng khó làm sạch sẽ được xử lý như rác cháy được. 	Bottles 瓶子类容器 병 용기 Chai nhựa  PET bottle caps and labels 塑料瓶盖 · 标签 페트병 등의 뚜껑과 라벨 Wash PET bottle caps and labels 플라스틱瓶盖 · 标签 페트병 등의 뚜껑과 라벨 Wash 	Plastic packaging 便当, 盒子类容器 도시락, 팩 용기 Hộp cơm, hộp đựng thức ăn  Polystyrene trays 托盘类容器 트레이 용기 Khay đựng 
Non-Burnable Garbage 태울 수 없는 쓰레기	不可燃垃圾 Rác không cháy được (Rác không đốt được)	Put in a city-designated garbage bag. 放入指定的收费垃圾袋中 지정 유료 봉투에 넣는다. Cho vào túi rác có phí theo quy định 	Please see the back page for instructions on how to properly dispose of items with batteries, such as e-cigarettes, lithium-ion batteries, portable chargers, and smartphones. 电子烟, 锂离子电池, 手机电池, 手机等请参考背面. 전자 담배, 리튬 이온 배터리, 모바일 배터리, 휴대폰 등은 뒷면 참조하십시오. Để biết cách vứt thuốc lá điện tử, pin lithium-ion, pin sạc và các thiết bị khác, vui lòng xem mặt sau 
Ceramics, glass, etc. 陶磁器, 玻璃等 도자기, 유리 등 Gốm sứ, thủy tinh, v.v.  Dangerous items should be wrapped in paper and labeled '케켄(Danger)'. 危险物用紙包好, 标记 '케켄(危险)' 字样 위험물은 종이에 싸서 '케켄(위험)' 이라고 표시한다. Chất nguy hiểm bọc trong giấy và ghi rõ '케켄'(NGUY HIỂM)  Home appliances◆拆卸电池, 使用灯油的家用电器, 将其灯油用光, 提交空的家电 가전제품◆전지를 빼고, 등유를 사용하는 가전제품은 다 쓰고 비워서 버린다. Đồ điện gia dụng◆Tháo pin, đối với đồ điện sử dụng dầu hỏa, phải sử dụng hết và làm sạch trước khi vứt 	Metals 金属类 금속류 Các đồ kim loại  Dispose of slim and elongated objects that are no longer than 1 meter, such as golf clubs and umbrellas, by tying them together and placing them in a designated garbage bag. 高尔夫球杆, 雨伞等细长物体如果在1米以内, 可以将其装入指定的收费垃圾袋中扔掉. 골프 클럽, 우산 등의 길쭉한 것은 1m 이하라면 지정 유료 봉투로 묶어서 버릴 수 있다. Gậy golf, ô và các vật dài khác có thể buộc cho vào túi rác có phí theo quy định để vứt vào túi rác có chiều dài không quá 1m 	Put in a city-designated garbage bag. 放入指定的收费垃圾袋中 지정 유료 봉투에 넣는다. Cho vào túi rác có phí theo quy định 	These types of objects can be disposed of if they fit in the 45L designated garbage bag. 仅限指定的45L收费垃圾袋, 大体能放进去即可排放. 45L의 지정 유료 쓰레기 봉투만, 대략 맞으면 버릴 수 있다. Chỉ được bỏ vào túi rác có phí theo quy định, kích thước 45 lít, để vứt nếu đồ vật vừa với túi. 
Burnable Garbage 태울 수 있는 쓰레기	可燃垃圾 Rác cháy được (Rác đốt được)	Put in a city-designated garbage bag. 放入指定的收费垃圾袋中 지정 유료 봉투에 넣는다. Cho vào túi rác có phí theo quy định 	Use either an oil solidifier or absorb the oil with paper or cloth. ◆用凝固剂凝固或用纸巾布除去油污 ◆용제로 굳게 하거나 종이나 천으로 기름을 닦는다. ◆Đồng đẳng bằng chất đồng hoặc thấm dầu bằng giấy, vải 
◆Drain well. ◆除去水分 ◆물기를 뺀다 ◆Đỡ ráo nước Rác thải sinh hoạt  Food waste 厨余垃圾 음식물 쓰레기  Cat litter, Pet pee pads 猫砂·宠物垫 고양이 모래·동물 시트 Cát vùi chôn cho mèo, tấm lót vệ sinh cho thú cưng 	Leather goods, rubber products 가죽제품, 고무제품  Wood products, etc. 木工制品等 목공 제품 등 Đồ gỗ, v.v.  ◆Maximum Length: 50cm ◆Maximum Width: 5cm ◆Maximum 50cm以内 宽度5cm以内 ◆길이 50cm 이내 너비 5cm 이내 ◆Chiều dài không quá 50cm ◆Đường kính không quá 5cm 	Put in a city-designated garbage bag. 放入指定的收费垃圾袋中 지정 유료 봉투에 넣는다. Cho vào túi rác có phí theo quy định 	Tree branches and plants can be placed in clear or semi-clear bags. 修剪后的废枝及花草放在透明或半透明的口袋后扔出 잘라낸 가지나 화초는 투명한거나 반투명 봉지에 버릴 수 있다 Cành cây vụn, hoa dại có thể cho vào túi trong suốt hoặc túi mờ để vứt 

Types of paper that cannot be recycled: (Waterproof paper, strong smelling paper, disposable diapers, photos, receipts, etc.)
不可回收的纸类 (经防水加工后的纸, 臭味强的纸, 纸尿裤不湿, 照片, 购物小票等)
재활용할 수 없는 종이 종류 (방수 가공의 종이, 냄새가 강한 종이, 종이가기재, 사진, 영수증 등)
Các loại giấy không thể tái chế (giấy chống thấm, giấy có mùi hôi, tờ giấy, ảnh chụp, hóa đơn, v.v.)

Garbage that must not be disposed of at collection stations

不能放在垃圾站的垃圾

쓰레기 스테이션에 낼 수 없는 쓰레기

Rác thải không thể vứt ở điểm thu gom rác

Oversized and unusually large amounts of garbage

대형 쓰레기, 일시적 다량 쓰레기

大件垃圾，一次性大量垃圾

Rác cồng kềnh, rác phát sinh số lượng lớn

Large amounts of garbage from moving or cleaning.
大家具或为搬家进行大扫除等产生的大量垃圾
대형 가구와 이사, 대청소 등으로 쏟아져 나온 쓰레기
Rác thải số lượng lớn phát sinh từ việc chuyển nhà, tổng vệ sinh hay đồ nội thất lớn

Large blankets, tatami mats, large carpets, etc.
厚被褥、榻榻米、地毯等 큰 이불이나 다다미, 큰 카펫 등
Nệm lớn, chiếu, thảm lớn, v.v.

Sand, rocks, Concrete blocks, Concrete fragments, bricks.
砂、石头、混凝土砌块、混凝土碎片、砖
모래, 돌, 콘크리트 블록, 콘크리트 파편, 벽돌
Cát, đá, khối bê tông, mảnh bê tông, gạch, v.v.

These items can be collected for a fee or can be taken directly to the city garbage disposal facility. (Items from businesses excluded.)
可以选择收费回收或送至、市指定的处理中心。(除项目活动中产生的垃圾)。
유료 수집을 이용하거나, 시 처리 시설에 반입할 수 있습니다 (사업 활동에서 발생한 것은 제외).
Có thể sử dụng dịch vụ thu gom có trả phí hoặc mang đến cơ sở tiếp nhận xử lý rác thải của thành phố. (Không bao gồm rác thải phát sinh từ hoạt động kinh doanh)

Used Household Batteries

사용한 소형 가전

二手小型家电

Đồ điện gia dụng loại nhỏ đã qua sử dụng

Small Rechargeable Batteries

소형 충전식 전지 등

小型充电电池等

Pin sạc nhỏ, v.v.

Drop-off Bin for Small Household Electronic Waste

二手小家电回收箱

Hộp thu gom đồ điện gia dụng loại nhỏ đã qua sử dụng

digital cameras, electrical cords, phones, video cameras, etc.
数码相机、电源线、电话、摄像机等
디지털 카메라, 전원 코드, 전화기, 캠코더 등
Máy ảnh kỹ thuật số, dây sạc, điện thoại, máy quay phim, v.v.

Limited to compact home appliances that can fit in the drop-off box (15cm×25cm).
仅限于可放入 (15cm×25cm) 的小型家电。
투입구 (15cm×25cm)에 들어가는 소형 가전에 한합니다.
Chỉ thu gom các đồ điện gia dụng loại nhỏ có thể nhét vừa khe hộp (15cm ×25cm).

Drop-Off Bin for Small Rechargeable Batteries

小型充电电池等回收箱

Hộp thu gom pin sạc nhỏ

mobile batteries, heated tobacco products (HTP), lithium-ion batteries, electronic cigarettes, etc.
手机电池、加热香烟、锂离子电池、电子烟等
모바일 배터리, 가열식 담배, 리튬 이온 배터리, 전자 담배 등
Pin sạc dự phòng, thuốc lá dạng đốt nóng, pin lithium-ion, thuốc lá điện tử, v.v.

Please cover rechargeable battery terminals with non-conductive tape such as plastic tape.
小型充电电池, 请在端部粘上胶带进行绝缘处理。
소형 충전식 전지는 단자 부분에 셀로판 테이프 등을 붙여 절연하십시오.
Vui lòng dán băng dính hoặc vật liệu cách điện lên các cực của pin sạc nhỏ trước khi bỏ vào hộp.

Drop-off Locations

回收箱放置位置

회수박스 설치 장소

Vị trí đặt thùng thu gom

City Hall Main Building (1F), All Municipal Branch Offices, Honkozaki Municipal Satellite Office, and Community Centers (Tobu, Seibu, Nanbu, and Minami Oita)

市役所本庁舎1楼、各支所、本神崎联络所、大分东部、大分西部、大分南部、南大分公民馆
시청 본청사 1층, 각 출장소, 혼간자키 연락소, 오이타 동부·오이타 서부·오이타 남부·미나미오이타 공민관
Tầng 1 Trụ sở chính Tòa Thị Chính, các chi nhánh, văn phòng liên lạc Honkozaki, Trung tâm cộng đồng (Tobu, Seibu, Nanbu và Minami Oita).

Electronic waste can only be dropped off during business hours. 仅限政府办公日可以提供回收服务。
회수할 수 있는 날은 청사나 출장소등이 개청하고 있을 때만입니다. Chỉ thu gom khi các tòa nhà thị chính, chi nhánh mở cửa.

Please contact the Waste Reduction Promotion Division (097-537-5687) with any questions.
※Consultation is available in Japanese only.
有不明白的地方请咨询垃圾减量推进课 (097-537-5687) ※只有日语对应工作人员。
불명확한 점은 쓰레기 감량 추진과 (097-537-5687)에 문의해 주시기 바랍니다. ※다만 일본어만 대응이 가능합니다.
Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ với Phòng Xúc tiến Giảm thiểu Rác thải (097-537-5687).
*Chỉ tiếp nhận các cuộc gọi bằng tiếng Nhật.

Recyclable goods

재활용 대상품

可回收对象

Đối tượng tái chế

Televisions
电视机
텔레비전
Tivi

Air conditioners
空调
에어컨
Điều hòa

Clothes dryers
衣服类干燥机
의류 건조기
Máy sấy quần áo

Washing machines
洗衣机
세탁기
Máy giặt

Refrigerators
冰箱
냉장고
Tủ lạnh

Computers
笔记本电脑
컴퓨터
Máy tính

These items cannot be disposal of via paid collection service or at city garbage disposal facilities.
既不可以采用收费回收、也不可以送至市指定的处理中心。
유료 수집의 이용도, 시 처리 시설에 반입도 할 수 없습니다.
Không thể sử dụng dịch vụ thu gom có trả phí hoặc mang đến cơ sở tiếp nhận xử lý rác thải của thành phố.

Please consult the retail store, manufacturer, or Waste Reduction Promotion Division for information on disposal methods.
该类物品的处理、请咨询销售店铺、生产商或垃圾减量推进课。
판매점이나 업체, 또는 쓰레기 감량 추진과로 문의해 주시기 바랍니다.
Để biết thêm thông tin về cách xử lý, vui lòng liên hệ với cửa hàng, nhà sản xuất hoặc Phòng Xúc tiến Giảm thiểu Rác thải.

Dangerous goods

위험물 등

危险品等

Vật liệu nguy hiểm, v.v.

Tires
轮胎
타이어
Lốp xe

Batteries
电池
배터리
Bình ắc quy

Household medical waste (Needles only)
家庭用过的医疗废弃物 (仅限注射针管)
가정에서 사용한 의료계 폐기물 (주사기 만)
Chất thải y tế gia đình (chỉ kim tiêm)

Gas cylinders
天然气罐
가스통
Bình ga

Paint, pesticides, etc.
涂料、农药等
도료, 농약 등
Sơn, thuốc trừ sâu, v.v.

Fire extinguishers
灭火器
소화기
Bình cứu hỏa

These items cannot be disposed of via paid collection service or at city garbage disposal facilities.
既不可以采用收费回收、也不可以送至市指定的处理中心。
유료 수집이 이용도, 시 처리 시설에 반입도 할 수 없습니다.
Không thể sử dụng dịch vụ thu gom có trả phí hoặc mang đến cơ sở tiếp nhận xử lý rác thải của thành phố.

Please consult the retail store where the item was purchased.
该类物品的处理、请咨询销售店铺。 이러한 처분에 대해서는 판매점에 상담해 주십시오.
Để biết thêm thông tin về cách xử lý, vui lòng liên hệ với cửa hàng.

Dead Animal Collection

狗、猫等动物尸体

개, 고양이 등의 시체

Thu gom xác động vật như chó, mèo

Dead pets, such as dogs or cats, are collected for a fee, however, dead wild animals are collected free of charge. Please contact the Waste Disposal Service Division (097-568-5763) for further information. Consultation is available in Japanese only.
家庭饲养的狗、猫等动物尸体可进行收费回收。但是,野外的狗、猫、小动物的尸体可免费回收。
详情请咨询清扫业务课 (097-568-5763) 但是,只有日语对应工作人员。
가정에서 기르던 개, 고양이 등은 유료로 수집합니다. 다만, 야생의 개, 고양이, 소동물은 무료로 수집합니다. 자세한 것은, 청소 업무과 (097-568-5763)에 문의해 주세요. 단, 일본어만 대응 가능합니다.
Chúng tôi thu gom xác chó, mèo nuôi trong nhà có tính phí. Tuy nhiên, chúng tôi sẽ thu gom miễn phí xác chó, mèo hoang và các động vật nhỏ khác. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ với Phòng Nghiệp vụ Vệ Sinh (097-568-5763). Xin lưu ý rằng chúng tôi chỉ hỗ trợ tiếng Nhật.

Waste Disposal Service Division

清扫业务课

청소업무과

Phòng Nghiệp vụ Vệ sinh

It is possible to pay to have oversized garbage or large amounts of garbage picked up for disposal. Contact the Waste Disposal Service Division (097-568-5763) for further information. Consultation is available in Japanese only.
如果以家庭为单位进行大件垃圾或一次性大量垃圾回收,是由市政府进行收费回收。详情请咨询清扫业务课 (097-568-5763) 但是,只有日语对应工作人员。
대형 쓰레기나 일시적인 다량의 쓰레기의 호별 수집을 희망하는 경우는, 시는 유료로 수집을 실시합니다. 자세한 것은, 청소 업무과 (097-568-5763)에 문의해 주세요. 단, 일본어만 대응 가능합니다.
Nếu bạn có nhu cầu thu gom rác cồng kềnh, rác phát sinh số lượng lớn tại nhà,thành phố sẽ cung cấp dịch vụ thu gom rác có tính phí. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ với Phòng Nghiệp vụ Vệ Sinh (097-568-5763). Xin lưu ý rằng chúng tôi chỉ hỗ trợ tiếng Nhật.

Bringing garbage to the disposal facility

将垃圾送至处理中心

쓰레기 처리 시설에 반입

Mang đến cơ sở tiếp nhận xử lý rác thải

Waste Disposal Facilities Division

清扫设施课

It is possible to bring oversized and large amounts of garbage directly to disposal facilities. Please contact the Waste Disposal Facilities Division (097-537-5659) for further information. Consultation is available in Japanese only.
大件垃圾一次性大量垃圾可以送至、本市的处理中心。详情请咨询清扫业务课 (097-537-5659) 但是,只有日语对应工作人员。
대형 쓰레기나 일시적인 다량의 쓰레기는 스스로 시의 처리 시설에 반입할 수 있습니다. 자세한 것은, 청소 시설과 (097-537-5659)에 문의해 주세요. 단, 일본어만 대응 가능합니다.
Người dân có thể tự mang rác cồng kềnh, rác phát sinh số lượng lớn đến các cơ sở tiếp nhận xử lý rác thải của thành phố. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ với Phòng Cơ sở Vệ Sinh (097-537-5659). Xin lưu ý rằng chúng tôi chỉ hỗ trợ tiếng Nhật.

Waste Disposal Facilities Division

청소시설과

Phòng Cơ sở Vệ Sinh

Fukumune Waste Disposal Center

福宗環境センター

후쿠무네 환경 센터

Trung tâm môi trường Fukumune

所在地：大分市大字福宗618番地

TEL：097-588-0113

Fukumune Waste Disposal Center (Onizaki Landfill, Recycling Plaza)Address: 618, Oaza-Fukumune, Oita City
福宗環境中心(鬼崎埋立場)可回收再利用广场 地址:大分市大字福宗618番地
후쿠무네 환경 센터(오니자키 매립장, 리사이클 플라자)주소: 오이타시 오아자 후쿠무네 618번지
Địa chỉ: 618 Oaza-Fukumune, Thành phố Oita

Sano Waste Disposal Center

佐野清掃センター

사노 청소센터

Trung tâm vệ sinh Sano

所在地：大分市大字佐野3400番地の10

TEL：097-593-4047

Sano Waste Disposal Center Address: 10, 3400, Oaza-Sano, Oita City
佐野清扫中心 地址:大分市大字佐野3400番地10
사노 청소센터 주소: 오이타시 오아자 사노 3400번지 10
Địa chỉ: 3400-10 Oaza-Sano, Thành phố Oita

Android

iOS (iPhone等)

Oita City Official App provides information on garbage disposal and collection.

下載大分市官方APP可查询垃圾分类·投放等信息。

오이타시 공식 앱으로 쓰레기 분리·수집에 관한 정보를 얻을 수 있습니다.

Không hỗ trợ tiếng Việt.